TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/KDTM-PT
Ngày: 24 – 7 – 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phỉ

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Linh;

Bà Phạm Thị Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thúy Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 4 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án kinh doanh sơ thẩm số: 08/2018/KDTM-ST ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: NH NN và PT NT VN;

Trụ sở: Số 02 LH, phường TC, quận BĐ, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bạch Y, chức vụ: Giám đốc NH NN và PT NT VN – Chi nhánh huyện AP, tỉnh AG. Địa chỉ trụ sở: số 12 TNH, ấp AT, thị trấn AP, huyện AP, tỉnh AG.

Người được ủy quyền lại của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng H, chức vụ: Phó giám đốc NH NN và PT NT VN – Chi nhánh huyện AP, tỉnh AG (theo văn bản ủy quyền số 38/UQ-NHNo.AP ngày 03/6/2019). (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969;

Địa chỉ cư trú: Tổ 06, ấp AK, xã KA, huyện AP, tỉnh AG.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Hồng H1, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Tổ 06, ấp AK, xã KA, huyện AP, tỉnh AG.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T, ông Võ Hồng H1: Bà Nguyễn Minh Lệ, sinh năm 1964, địa chỉ cư trú: Số 60/10B, khóm ĐT B, phường MT, thành phố LX, tỉnh AG (theo văn bản ủy quyền ngày 06/12/2018) (có mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T là bị đơn và ông Võ Hồng H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn NH NN và PT NT VN (sau đây viết tắt là Ngân hàng) do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 09/4/2015, bà Nguyễn Thị T (sau đây viết tắt là bà T) ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng số tiền 1.000.000.000đ, với thỏa thuận như sau: thời hạn vay: 12 tháng, mục đích vay: mua bán phế liệu, lãi suất: 10%/năm, quá hạn là 150% lãi trong hạn. Tài sản thế chấp, gồm:

1. Diện tích 102,2m^2 đất ở nông thôn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00909gL do Ủy ban nhân dân huyện An Phú cấp ngày 09/8/2008 (sau đây viết tắt là UBND huyện An Phú). Trên đất có căn nhà cấp 4b, diện tích xây dựng 148,8m^2 theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 4150/QĐ-UB.GCN ngày 17/11/2008 do UBND huyện An Phú cấp cho bà T và ông Hạnh.

2. Diện tích 77,1m^2 đất ở nông thôn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00697gL do UBND huyện An Phú cấp ngày 04/9/2007. Trên đất có căn nhà cấp 4c, diện tích xây dựng 122,98m^2 theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 4151/QĐ-UB.GCN ngày 17/11/2008 do UBND huyện An Phú cấp cho bà T và ông Hạnh.

3. Diện tích 256,7m^2 đất ở nông thôn, trên đất có nhà kho loại 3 diện tích xây dựng 240,3m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01225gL do UBND huyện An Phú cấp ngày 22/11/2010.

4. Diện tích 140,5m^2 đất ở nông thôn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00360gL do UBND huyện An Phú cấp ngày 28/7/2006.

5. Diện tích 63,9m^2 đất ở nông thôn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00361gL do UBND huyện An Phú cấp ngày 28/7/2006.

6. Diện tích 150m^2 đất ở nông thôn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00698gL do UBND huyện An Phú cấp ngày 04/9/2007.

Trên diện tích 140,5m^2 , 63,9m^2 , 150m^2 đất có nhà kho cấp 4 diện tích 354,4m^2 theo giấy chứng nhà quyền sở hữu công trình xây dựng số 4149/QĐ-UB.GCN ngày 17/11/2008.

7. Diện tích 89,3m^2 đất ở nông thôn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01398gL do UBND huyện An Phú cấp ngày 19/01/2011.

8. Diện tích 111,7m^2 đất ở nông thôn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01402gL do UBND huyện An Phú cấp ngày 20/7/2010.

9. Diện tích 119,2m^2 đất ở nông thôn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01042gL do UBND huyện An Phú cấp ngày 23/4/2009.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà T và ông Hạnh liên đới trách nhiệm trả vốn gốc 1.000.000.000đ và lãi từ ngày vi phạm đến khi trả dứt nợ; Ngân hàng yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo thi hành án.

Theo bản tự khai, bị đơn bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hạnh cùng trình bày:

Thống nhất như ý kiến của Ngân hàng về hợp đồng tín dụng vay vốn 1.000.000.000đ và tài sản thế chấp. Do kinh doanh thua lỗ nên không khả năng trả nợ khi đến hạn. Nay thừa nhận có nợ vốn gốc là 1.000.000.000đ, đề nghị Ngân hàng không tính lãi quá hạn. Ông, bà đang kêu bán tài sản để trả nợ.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2018/KDTM-ST ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tuyên xử:

- Buộc bà T và ông Hạnh có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 1.000.000.000đ và lãi trong hạn là 97.777.778đ.

- Duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0296/2015/HĐTC ngày 04/9/2015 để đảm bảo cho việc thi hành án. Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thanh toán tiền hoặc thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thực hiện việc xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0296/2015/HĐTC ngày 04/9/2015 để thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm chậm thi hành, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 30/11/2018, bà T và ông Hạnh kháng cáo quá hạn, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm về trình tự thủ tục và nội dung.

Ngày 16/01/2019, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang ra Quyết định chấp nhận kháng cáo quá hạn của bà T và ông Hạnh.

Tại phiên tòa:

- *Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày*: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà T và ông Hạnh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà T và ông Hạnh trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do thiếu người tham gia tố tụng là các thành viên trong hộ gia đình của bà T và ông Hạnh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:*

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T và ông Hạnh. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện An Phú về công nhận một phần hợp đồng thế chấp tài sản và cách tuyên về xử lý tài sản thế chấp đúng theo Án lệ số 11/2007/AL.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Hình thức đơn kháng cáo: Bà T và ông Hạnh kháng cáo và có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Nội dung kháng cáo:

[2.1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng tại cấp sơ thẩm:

Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bà T, ông Hạnh có gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và đơn xin vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, việc bà T, ông Hạnh trình bày ý kiến cho rằng không nhận đươc thông báo hòa giải là không có cơ sở.

Cấp sơ thẩm có thực hiện thủ tục niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bà T, ông Hạnh, tuy nhiên, thiếu biên bản niêm yết tại nhà đương sự. Do đó, cấp phúc thẩm đã chấp nhận kháng cáo quá hạn của bà T, ông Hạnh để xem xét vụ án theo trình tự phúc thẩm nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

[2.2]. Về hợp đồng tín dụng:

Bà T, ông Hạnh có văn bản trình bày ý kiến là thừa nhận có xác lập Hợp đồng tín dụng số: 014/2015 ngày 04/9/2015 vay 1.000.000.000đ của Ngân hàng để kinh doanh phế liệu vì mục đích chung của hộ gia đình (gồm vợ, chồng và các con). Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà T, ông Hạnh cũng thống nhất về hợp đồng tín dụng như Ngân hàng yêu cầu. Do đó, cấp sơ thẩm xác định Hợp đồng tín dụng số: 014/2015 ngày 04/9/2015 được xác lập trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự và Luật các Tổ chức tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, hộ kinh doanh của bà T không trả đầy đủ vốn gốc và lãi theo thỏa thuận. Bà T và ông Hạnh có đơn xin gia hạn trả nợ nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả vốn gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn là đúng theo thỏa thuận tại khoản 1 Điều 3, điểm c và đ khoản 2 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số: 014/2015 ngày 04/9/2015.

Về tiền lãi: Lãi trong hạn từ ngày 01/7/2107 đến ngày 02/8/2017 là 32 ngày = 8.888.889đ (1.000.000.000đ x 32 ngày x 10%); lãi quá hạn từ ngày 03/8/2017 đến ngày 18/6/2018 là 320 ngày = 133.333.333đ (1.000.000.000đ x 320 ngày x 10% x 150%). Tổng cộng nợ tiền lãi là: 142.222.222đ.

[2.3]. Về trách nhiệm trả nợ:

Bà T và ông Hạnh cùng ký giấy đề nghị vay 1.000.000.000đ của Ngân hàng sử dụng vào mục đích kinh doanh phế liệu cho hộ gia đình theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh Nguyễn Thị T đăng ký ngày 10/4/2007. Từ thời điểm xác lập hợp đồng tín dụng, đến nay quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Hạnh vẫn tồn tại; Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Hạnh có trực tiếp trả lãi cho Ngân hàng và ông Hạnh có dùng tài sản chung với bà T để thực hiện nghĩa vụ đảm bảo cho hợp đồng tín dụng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện An Phú buộc bà T và ông Hạnh có trách nhiệm liên đới trả vốn gốc 1.000.000.000đ và lãi 142.222.222đ là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng, Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.5]. Về tài sản thế chấp:

Tại khoản 1 Điều 107 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: *"Chủ hộ là đại diện của hộ gia đình trong các giao dịch dân sự vì lợi ích chung của hộ"*. Vì vậy, bà T và ông Hạnh là chủ hộ nên được đại diện các thành viên trong hộ (là các con của bà T và ông Hạnh) xác lập giao dịch thế chấp quyền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số H00697gL ngày 04/9/2007, số H00698gL ngày 04/9/2007, số H00909gL ngày 09/8/2008 và số H01042gL ngày 23/4/2009 cấp cho hộ bà T và ông Hạnh để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng với mục đích vay là kinh doanh phế liệu vì lợi ích chung của hộ gia đình theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh Nguyễn Thị T đăng ký ngày 10/4/2007 và đã phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của cả hộ gia đình bà T và ông Hạnh theo quy định tại khoản 2 Điều 107 của Bộ luật Dân sự năm 2005, nên không có

căn cứ tuyên bố hợp đồng thế chấp số 0296/2015/HĐTC ngày 04/9/2015 vô hiệu một phần đối với quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà T và ông Hạnh như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang và không cần thiết đưa các thành viên trong hộ bà T, ông H1 vào tham gia tố tụng như ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bà T và ông H1.

Các đương sự thống nhất việc thế chấp các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cấp cho cá nhân bà T và ông H1 nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Do đó, Tòa án nhân dân huyện An Phú xác định hợp đồng thế chấp số 0296/2015/HĐTC ngày 04/9/2015 có hiệu lực toàn bộ là đúng theo quy định tại Điều 343, Điều 715, khoản 1, 2 Điều 717 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T và ông H1.

[4]. Phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên duy trì hợp đồng thế chấp số 0296/2015/HĐTC ngày 04/9/2015 để đảm bảo thi hành án là không đúng với án lệ số 11/2017/AL về xử lý tài sản thế chấp tại giai đoạn thi hành án. Do đó, cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên án đối với hợp đồng thế chấp số 0296/2015/HĐTC ngày 04/9/2015 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

[6]. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm: Bà T vay tiền để kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh Nguyễn Thị T. Do đó, phải xác định bị đơn: Bà Nguyễn Thị T – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị T.

[7]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà T và Hạnh không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T và ông Võ Hồng H1.

2. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2018/KDTM-ST ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang về cách tuyên án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NH NN và PT NT VN.

- Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Võ Hồng H1 có trách nhiệm liên đới trả cho NH NN và PT NT VN số tiền 1.142.222.222đ (trong đó: vốn gốc là 1.000.000.000đ và lãi là 142.222.222đ).

- Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/6/2018) bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 014/2015 ngày 04/9/2015 giữa NH NN và PT NT VN chi nhánh An Phú và bà Nguyễn Thị T tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi trả xong nợ gốc.

Trường hợp bà Nguyễn Thị T và ông Võ Hồng H1 không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số: 014/2015 ngày 04/9/2015 thì NH NN và PT NT VN có quyền yêu cầu Chi cục thi hành dân sự huyện An Phú xử lý tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp số 0296/2015 ngày 04/9/2015 giữa NH NN và PT NT VN chi nhánh An Phú với bà Nguyễn Thị T và ông Võ Hồng H1 để thu hồi nợ.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Hồng H1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 46.266.666đ.

+ NH NN và PT NT VN được nhận lại tạm ứng án phí sơ thẩm là 21.000.000đ đã nộp theo Biên lai thu số 0002605 ngày 02/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú (do NH NN và PT NT VN chi nhánh An Phú đại diện nhận).

3. Về án phí phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Hồng H1 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

- Bà Nguyễn Thị T được nhận lại tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu số 0011073 ngày 14/02/2019 và 1.700.000đ đã nộp theo Biên lai thu số 0011177 ngày 18/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú.

- Ông Võ Hồng H1 được nhận lại tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu số 0011074 ngày 14/02/2019 và 1.700.000đ đã nộp theo Biên lai thu số 0011178 ngày 18/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- Chi cục THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Ngọc Phỉ